

HOÀNG VĂN CHUNG, TRẦN ANH CHÂU*

NGUỒN GỐC, CẤU TRÚC VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CƯ DÂN VEN BIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Tín ngưỡng dân gian của cư dân vùng ven biển Việt Nam trong thời gian vài thập niên gần đây có sự hồi sinh mạnh mẽ trên nhiều phương diện như diễn tả niềm tin, thực hiện nghi lễ, tổ chức lễ hội, phục dựng cơ sở thờ cúng, v.v... Đồng thời, sự thay đổi trong bối cảnh sống, tiến trình giao lưu văn hóa, hội nhập về lối sống giữa các dân tộc ngày càng sâu rộng, v.v... đang tạo ra những biến đổi đáng chú ý đối với các loại hình tín ngưỡng vốn dĩ rất phong phú và đa dạng này. Từ tiếp cận liên ngành Tôn giáo học và Văn hóa học, Tâm lý học về tôn giáo, bài viết qua phân tích những dữ liệu mới thu thập được ở thực địa kết hợp với các tài liệu thứ cấp nhằm làm rõ ba phương diện cơ bản của tín ngưỡng dân gian của cư dân ven biển, bao gồm nguồn gốc hình thành, cấu trúc và đặc điểm.

Từ khóa: Tín ngưỡng; ven biển; cấu trúc; đặc điểm; nguồn gốc; Việt Nam.

Dẫn nhập

Tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển hình thành từ nhiều nguồn cội khác nhau. Việc tiếp cận và phân tích loại hình này xưa nay chủ yếu được tiến hành từ các chuyên ngành: Triết học, Sử học, Khảo cổ học, Văn hóa học, Nhân học, Xã hội học. Tiếp cận Tôn giáo học có ưu thế về việc tập trung phân tích sâu hơn các phương diện cơ bản của tín ngưỡng như một loại hình tôn giáo, chẳng hạn như nguồn gốc hình thành, triết lý, niềm tin, thực hành nghi lễ, tổ chức cộng đồng, cấu trúc,

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học cấp Bộ “**Bảo tồn, phát huy giá trị tín ngưỡng dân gian của cộng đồng cư dân ven biển Việt Nam**” (2022 - 2024) do TS. Vũ Thị Thu Hà làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.
Ngày nhận bài: 02/8/2023; Ngày biên tập: 29/8/2023; Duyệt đăng: 8/11/2023.

đặc điểm, chức năng, giá trị... Bên cạnh đó, tín ngưỡng này hiện nay là kết quả của sự giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc cộng cư vùng ven biển, có sinh kế chính là dựa vào khai thác tài nguyên biển. Lý thuyết Khuếch tán văn hóa cơ bản lý luận rằng có những mô thức văn hóa được khuếch tán từ cái nôi của mình, tiếp nhận ở các vùng xa hơn, thông qua quá trình các dân tộc thuộc các vùng địa lý khác nhau có giao lưu về văn hóa. Trong các mô thức văn hóa, có mô thức của thờ cúng các lực lượng siêu nhiên vốn được tin là có tác động đến cuộc sống trần tục của con người [Alfred Kroeber, 1940: 1]. Mô thức này thường được tiếp thu và tùy biến theo bối cảnh sống của các cộng đồng dân cư ven biển.

Mặt khác, lý giải về nguồn gốc hình thành các tín ngưỡng như ngày nay, cũng cần chú ý phương diện tâm lý cá nhân và trải nghiệm tập thể về quyền năng của cái siêu nhiên trong cư dân ở khu vực thường phải đối mặt với rủi ro đến từ thiên nhiên. Do đó, tiếp cận Tâm lý học về tôn giáo, đặc biệt qua lý thuyết của William James (1842-1910) giúp tìm hiểu về tín ngưỡng. W. James nhấn mạnh rằng thế giới quan của cá nhân thường đi liền với tính thực dụng của nó. Cụ thể hơn, giá trị của bất cứ chân lý nào về thế giới quan của một cá nhân phụ thuộc vào sự hữu dụng của nó với cuộc sống của người đó [William James, 1902]. Theo đó, những trải nghiệm có tính thần bí, những tùy biến trong niềm tin và thực hành nghi lễ hướng đến cái siêu nhiên trong tín ngưỡng của cư dân vùng ven biển đều phản ánh cách nhìn thực dụng về thế giới.

Từ các tiếp cận và lý thuyết nêu trên, bài viết phân tích những dữ liệu mới thu thập được ở thực địa trong hai năm 2022 và 2023, kết hợp với các tài liệu thứ cấp có liên quan để làm rõ ba phương diện chính của tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển, bao gồm nguồn gốc, cấu trúc và đặc điểm.

Trong bài viết này, rút ra từ nhiều nguồn tài liệu và kết quả nghiên cứu khoa học, khái niệm “vùng ven biển” được dùng để chỉ khu vực đất liền, khu vực ngập nước tiếp giáp với biển, chịu ảnh hưởng rõ rệt của môi trường và khí hậu biển. Khái niệm “cư dân vùng ven biển” được dùng để chỉ những cộng đồng dân cư sống gắn bó lâu dài với

vùng ven biển, có sinh kế trực tiếp hoặc gián tiếp dựa vào biển và chuyên chở những nét đặc trưng của văn hóa biển. Trong khi đó, “tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển” chỉ toàn bộ những niềm tin và sự diễn tả niềm tin qua thực hành nghi lễ hướng tới các đối tượng có quyền năng siêu nhiên của các cộng đồng người dân sinh sống ở vùng ven biển.

1. Nguồn gốc của tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển

Nhìn chung, nghiên cứu khoa học cho rằng tôn giáo và tín ngưỡng nói chung đều có nguồn gốc và phát triển trên cơ sở hoạt động sinh tồn của con người. Con người cư trú ở vùng ven biển có đặc trưng về phương thức sản xuất hay nói cách khác là sinh kế chủ đạo dựa vào biển. Con người luôn vừa muốn tạo dựng sự an định về tinh thần, được bảo hộ trước những rủi ro, lại vừa muốn tìm kiếm những khả năng tăng cường năng suất và kết quả lao động. Chính nhu cầu đảm bảo sinh kế hay tăng cường hiệu quả của phương thức sản xuất, hình thành nên các loại hình tín ngưỡng hoặc chọn lọc và du nhập các loại hình tín ngưỡng phù hợp nhất.

Về bản chất, tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển cấu thành bởi nhiều loại hình của niềm tin và thờ cúng khác nhau, đa dạng theo cấp độ vùng, miền và thậm chí đa dạng ngay trong một địa phương hay trong một loại hình. Có thể nói rằng, không có một nguồn gốc đơn nhất cho tất cả các loại hình trong tín ngưỡng dân gian ven biển từng được ghi nhận.

1.1. Nguồn gốc từ các mô thức phổ biến trong tín ngưỡng dân gian

Có thể nói, nguồn gốc chủ yếu nhất của tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển là các mô thức của niềm tin và thờ cúng đã phổ biến trong tín ngưỡng dân gian nói chung của các dân tộc cư trú lâu đời ở Việt Nam. Theo cách nhìn này, tín ngưỡng của cư dân ven biển là một bộ phận của tín ngưỡng dân gian. Một mặt, tín ngưỡng của cư dân ven biển vừa có thể được xem là sự bổ sung, nối dài, mở rộng cho tín ngưỡng dân gian, mặt khác là những biểu hiện của sự tái tạo tín ngưỡng dân gian cho phù hợp với tâm lý cư dân và môi trường sống vùng ven biển. Do đó, những loại hình phổ biến trong tín ngưỡng dân gian cư dân ven

biển (thờ các vị thần liên quan đến nước, thờ linh hồn động vật, thờ cúng tổ tiên, thờ tổ nghề, thờ người có công với cộng đồng, dân tộc, v.v...) cũng thấy trong tín ngưỡng dân gian nói chung nhưng lại mang những loại hình riêng (thờ cá Voi, thờ linh hồn người chết trên biển, thờ tổ nghề đánh cá...)

Mô thức phổ biến trong tín ngưỡng dân gian đầu tiên là về mặt tâm lý thì *cái gì đáng sợ*, không thể chế ngự được, lại có thể làm tổn hại đến tính mệnh và sự an toàn của con người, *thì được thờ cúng*. Việc cư dân ven biển thờ cúng cá Voi - một loại động vật to lớn dị thường ở biển cả - có thể giải thích như là một sự tiếp nối, mở rộng mô thức này. Mô thức này cũng áp dụng vào việc thờ linh hồn của những người chết không rõ nguyên nhân, chết không có người thân bên cạnh, chết không được an táng đầy đủ các nghi thức. Linh hồn của những người chết như thế trở thành cái người ta hay gọi là ma, quỷ - những lực lượng vô hình, thường làm hại con người theo những quy luật không nắm bắt được.

Một mô thức khác là *thờ người hay con vật có công với cộng đồng*. Mô thức này thần thánh hóa hay nói cách khác thiêng hóa những người hay con vật có công lao vượt trội đối với sinh mệnh cá nhân và đời sống cộng đồng. Khi được chấp nhận và thực hành đủ rộng rãi và lâu dài, các loại hình thờ cúng này sẽ thành tập tục, truyền thống, nói cách khác là loại hình tín ngưỡng mới được sinh ra, bổ sung vào những loại hình sẵn có. Ví dụ, trước tiên phải nói tới là các đình, đền, miếu thờ các bậc tiền hiền và hậu hiền ở các địa phương ven biển. Các vị tiền hiền ở những nơi này là những người có công lao đầu tiên khai làng, lập ấp, huấn luyện người dân làng các kỹ nghệ cần thiết cho sự sinh tồn và phát triển. Tiền hiền là người có công khai phá vùng đất mới, quy tụ dân cư. Hậu hiền là người thuộc thế hệ tiếp sau lãnh đạo, hỗ trợ người dân canh tác, ổn định cuộc sống, gây dựng cơ nghiệp. Do đó, trong dân gian có câu: “Tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ” hoặc “tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai canh”. Người ở Thanh Hóa, Hải Phòng vượt biển đi ngược lên vùng Quảng Ninh ngày nay để lập ra những làng ven biển. Người ở các tỉnh miền Bắc di cư vào các vùng đất ven biển từ miền Trung đến miền Nam và lập nên những làng

đánh cá. Những người này có thể được thờ là các vị thành hoàng (như ở Trà Cổ, Quảng Ninh hay Kiến Thụy, Hải Phòng) hoặc phối thờ cùng với thành hoàng làng như ở các tỉnh thuộc miền Trung và miền Nam. Ở miền Trung và miền Nam, vị thành hoàng được thờ ở đình thường là một nhân vật chung chung, phiếm chỉ, không có tên tuổi lai lịch, công trạng. Trong khi đó, tiền hiền và hậu hiền là những người thật, có lai lịch, gia phả, công trạng và hậu duệ.

Ví dụ khác về thờ cúng con người là thờ cúng các nhân vật chết trẻ nhưng lúc sống có phẩm chất đẹp để được ca ngợi. Người dân tin rằng những người “sống khôn” như thế thì “chết thiêng” và do đó thờ cúng để vừa nhận được sự bảo hộ, vừa tránh sự trừng phạt và những sự không may. Những nhân vật được thờ cúng mới xuất hiện ở các cộng đồng cư dân vùng ven biển khoảng thế kỷ XVIII có thể nhắc đến trường hợp trinh nữ Lê Thị Hồng chết trẻ được thờ ở Dinh Cô (Long Hải, Bà Rịa - Vũng Tàu). Trong khoảng hơn 50 năm trở lại đây, các nhân vật mới được tin thờ sau khi qua đời là Hồ Chí Minh (có nơi thờ cúng ở Cà Mau, Bạc Liêu, Quảng Ninh, Hải Phòng...), Võ Thị Sáu (Côn Đảo thuộc Bà Rịa - Vũng Tàu), Linh mục Bửu Diệp (ở Bạc Liêu), v.v...

Cũng có thể nói đến mô thức *thờ cúng cô hồn*. Một ví dụ tiêu biểu là tục thờ cúng những người chết trôi dạt trên biển. Dọc bờ biển từ miền Trung cho đến miền Nam, có thể thấy, rất nhiều các miếu âm hồn/miếu âm linh được dựng lên để thờ linh hồn của những người chết trên biển¹. Ở Đà Nẵng, miếu thờ Cô Bác hình con thuyền do những Việt kiều tài trợ xây dựng, để thờ cúng những người chết khi cố gắng vượt biên bằng đường biển trong giai đoạn từ những năm 1978 đến những năm đầu của thập niên 80 của thế kỷ XX. Ở một số địa phương thuộc Cà Mau, Bạc Liêu, linh hồn người chiến sĩ tử trận, người chết trên biển trôi vào bờ, người chết vì cơn bão Linda năm 1997... được thờ cúng ở một không gian nhỏ tích hợp vào các khu vực xây miếu hoặc lăng thờ các vị thần linh.

Trong trường hợp thờ cúng con vật, thờ cúng cá Voi, thậm chí có nơi thờ cả cá Heo (chẳng hạn như ở Đà Nẵng, nơi cá Heo được gọi một cách tôn kính là Ông He)² là hai dạng thức phổ biến nhất. Thờ cá Voi là loại hình xuất hiện muộn và đã trở thành truyền thống trong

hầu khắp các cộng đồng cư dân ven biển nơi từng ghi nhận xác cá Voi dạt vào bờ (từ Quảng Ninh, Thái Bình³, Thanh Hóa qua các tỉnh Nam Trung Bộ vào đến tận Cà Mau). Ngày nay, việc thờ cúng cá Voi chủ yếu tìm thấy ở khu vực từ miền Trung trở vào miền Nam. Các loại cá này được thờ do người dân tin rằng chúng thông minh vượt trội (*sống khôn*), lại nhạy cảm khi con người gặp nạn trên biển và sẵn lòng cứu giúp. Khi chúng chết, người ta tin đó là cái chết không hề bình thường (*chết thiêng*). Do đó, thờ cúng không chỉ là sự tri ân, tưởng nhớ con vật từng cứu giúp con người lúc hoạn nạn trên biển, mà còn là sự tranh thủ cầu xin sự tiếp tục cứu trợ ấy đặc biệt khi chúng đã trở thành một lực lượng của thế giới bên kia.

1.2. Nguồn gốc từ các truyền thống tôn giáo lớn

Những gì thấy trong đời sống tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam ngày nay là sự tiếp nối và phát triển từ di sản tam giáo đồng nguyên (Nho - Phật - Đạo) tích tụ hàng ngàn năm qua. Trong hầu hết các loại hình của tín ngưỡng dân gian nói chung và tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển nói riêng ngày nay, ta có thể thấy sự hiện diện của các yếu tố thuộc Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Trong các không gian thờ cúng của tín ngưỡng Tam phủ - Tứ phủ ta dễ dàng thấy sự hiện diện các biểu tượng của Phật giáo. Thậm chí các không gian thờ mẫu/nữ thần cũng được tích hợp trong các không gian thờ Phật. Tại những lễ cúng cho các âm linh ở các miếu thờ âm linh ven biển, nhiều lễ cúng mời nhà tu hành của Phật giáo đến làm lễ. Các thực hành bùa chú, chữa bệnh bằng nước thánh, trừ tà, cúng sao giải hạn, tiên đoán tương lai, v.v... có nguồn gốc từ Đạo giáo dòng phù thủy. Trong khi đó, việc thờ cúng tổ tiên (thủy tổ của dân tộc và tổ tiên của dòng họ, gia đình), các vị tiền hiền có công lập làng, các tổ nghề dạy dân sinh kế, các anh hùng đánh giặc giữ nước... là một biểu hiện của việc thực hành tư tưởng Hiếu vốn có nguồn gốc từ Nho giáo.

1.3. Nguồn gốc từ nhu cầu tổ chức đời sống cộng đồng khi chinh phục vùng đất mới

Có thể nói, mô thức hướng biển, bám biển của người Việt Nam nói chung chỉ mạnh mẽ hơn từ khi người Kinh tiến về phía Nam theo quá trình mở mang bờ cõi từ thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVII) [Nguyễn

Thị Hậu, 2019]. Di dân đến đâu thì khai khẩn đất đai, lập làng đến đó và điều này phổ biến với cả các vùng đất sâu trong đất liền hay sát mép biển. Trên vùng đất mới, nhu cầu tất yếu đặt ra là tổ chức đời sống tinh thần và vật chất cho cộng đồng dân cư. Đương nhiên, di dân mang theo các mẫu hình tổ chức đời sống từ miền Bắc, vốn đã ổn định và hệ thống hóa. Nhưng bối cảnh sống mới đặt ra nhiều thử thách mới, đặc biệt, với các cộng đồng chọn định cư ở vùng ven biển. Nếu ở phía Bắc, đánh bắt cá biển chủ yếu là trong các vịnh (Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình) nơi cơ bản là vùng nước nông và ít sóng gió, thì vào đến vùng Nam Trung Bộ trở đi, tác động của thời tiết, khí hậu ven biển rõ ràng hơn rất nhiều. Do đó, những mẫu hình quản trị đời sống cộng đồng buộc phải có sự thay đổi để hỗ trợ các thành viên thích ứng tốt hơn.

Tín ngưỡng dân gian không đơn giản chỉ là sự thờ cúng, nó là một trong các thiết chế có khả năng điều chỉnh hành vi con người, đồng thời, giúp giải quyết những vấn đề họ đối mặt trong suốt cuộc đời (sinh ra, trưởng thành, hôn nhân, chữa bệnh, ứng phó với các sự kiện có tính khủng hoảng, cái chết). Xem xét ở phương diện này, việc thờ cúng trong cộng đồng di dân đến vùng ven biển tất yếu phải thay đổi ít nhiều để có sự điều chỉnh hành vi sát thực và hiệu quả hơn. Gần với nước, có sinh kế gắn với nước, thì phải tăng cường thờ cúng thủy thần. Đi biển nhiều, đặc biệt là đánh bắt xa bờ, thì phải thờ cúng những lực lượng thiêng trên biển. Người chết xấu trên đất liền, đặc biệt vào giờ thiêng, còn được thờ cúng, thì người chết xấu trên biển cũng phải được thờ cúng. Trên đất liền, nếu con vật có ơn cứu người thì lúc nó chết con người cũng phải thờ cúng. Tương tự ở biển cũng như thế [Nguyễn Thanh Lợi, 2006: 52 - 60; Vũ Hồng Thuật, 2001: 109]. Dù thế nào, điều rõ ràng và có nhiều chứng cứ nhất là việc thờ cúng cá voi chỉ trở nên phổ biến, rõ ràng và ổn định từ khi người Việt di cư về phía nam, dọc theo bờ biển, theo quá trình mở mang bờ cõi thời các chúa Nguyễn.

1.4. Nguồn gốc từ quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc

Giao thoa văn hóa và tiếp biến văn hóa xảy ra, đặc biệt là ở các dân tộc gần nhau về mặt địa lý và có nhiều liên hệ với nhau trong lịch sử

[Trần Ngọc Thêm, 2004; Trần Quốc Vượng, 2006; Ngô Đức Thịnh, 1993; Ngô Đức Thịnh, 2014]. Tín ngưỡng dân gian là một bộ phận của văn hóa dân gian, cho nên thường xuyên có sự giao thoa, tiếp thu và biến đổi, tái sáng tạo khi các dân tộc gặp gỡ. Tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển như ta thấy còn có nguồn gốc từ kết quả của giao thoa và tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc cùng chung sống gần biển mà tiêu biểu là người Việt (Kinh), người Chăm, người Hoa, và cả người Khmer. Người Việt khi di dân theo hướng Nam tiến, mang theo các loại hình tín ngưỡng của họ và trong quá trình giao lưu văn hóa với các dân tộc khác, có những yếu tố được sao chép, tích hợp thêm, biến đổi, pha trộn... Về cơ sở thờ cúng, cái có thể thấy rõ là đình làng ở miền Trung và miền Nam đã khác nhiều so với đình làng ở miền Bắc dù mục đích thờ cúng và công năng không khác đáng kể. Các đình, miếu hay đền được kiến trúc và bài trí đơn giản hơn, thuận tiện ra vào hơn, ít chi tiết trang trí, quy mô xây dựng nhỏ hơn, ít sử dụng chất liệu gỗ hơn, màu sắc rực rỡ hơn... Về đối tượng thờ cúng, đã xuất hiện sự phối ghép Việt - Chăm mà kết quả là Poh Nagar - nữ thần xứ sở của người Chăm - được di dân người Kinh tiếp nhận, thờ cúng theo mô thức thờ Mẫu/Nữ thần ngoài Bắc, và gọi tên là Thiên Y Ana. Ở Nam Trung Bộ, nhân vật này còn được gọi là Bà Chúa Ngọc. Trường hợp khác là một trường hợp tiếp nhận từ tín ngưỡng của người Hoa từ Trung Quốc theo đường biển di cư xuống. Thiên Hậu Thánh Mẫu còn có tên khác là Ma Tổ, là nhân vật được người Hoa rất sùng bái. Khi người Hoa di cư đến Việt Nam theo đường biển, đã mang theo tín ngưỡng này. Quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa đã để lại kết quả là những cơ sở thờ cúng Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Thánh Đế Quân,... không chỉ còn là điểm hành lễ của riêng người gốc Hoa, người các dân tộc khác ở Việt Nam cũng đến đây xin được phù trợ. Danh hiệu “Nam Hải thần nữ” được triều đình phong kiến sắc phong cho Thiên Hậu Thánh Mẫu và ở nhiều địa phương, người đi biển và cư dân vùng ven biển tin và thờ “Bà Thiên Hậu”.

Một dạng thức thờ cúng khác là tín ngưỡng thờ vị nữ thần phụ trách miền sông nước của người đến từ miền Bắc. Thờ cúng mẫu Thủy (mẫu Thoải) trong tín ngưỡng Tam phủ - Tứ phủ ở vùng miền Bắc là điều phổ biến. Ở Nam Bộ, thờ cúng vị nữ thần trông coi vùng

sông ngòi và biển gọi là Bà Thủy hay Thủy Long thần nữ là rất phổ biến. Bên cạnh đó là mô hình thờ Ngũ hành, còn gọi là bà Ngũ hành hay Ngũ hành nương nương, trong đó có vị thần đại diện cho hành thủy, có nguồn gốc từ triết lý ngũ hành và thờ cúng các lực lượng thuộc ngũ hành ở phía Bắc.

Có thể dẫn thêm trường hợp thờ cúng Neak Tà. Trong tín ngưỡng dân gian của người Khmer, Neak Tà là vị thần đa chức năng, vừa có thể bảo hộ cộng đồng, mùa màng, bảo vệ làng, và gia đình, vừa có thể chữa bệnh, chứng giám lời thề thốt trong quan hệ giữa người với người, v.v... Khi giao thoa văn hóa diễn ra, vị thần Neak Tà của người Khmer đã có sự thay đổi về quyền năng và vị thế [Đặng Thế Đại, 2017: 97 - 99]. Neak Tà trở thành ông Tà, thờ trong các miếu nhỏ, với quan niệm trông coi đất đai của một gia đình hay một khu vực nhỏ. Nghĩa là Neak Tà trong thực tiễn đời sống tín ngưỡng của các cộng đồng dân cư gốc Hoa hay Việt hiện nay, chẳng hạn như ở Bạc Liêu, việc Thờ Neak Tà (phối ghép) ở Phước Hải cổ miếu, đường Cao Văn Lầu, phường Nhà Mát thành phố Bạc Liêu.... chỉ tương đương với vị Thần Thổ địa.

Ngoài ra, thờ Ngọc Hoàng (thờ thiên, với bàn thờ ngoài trời), thờ Thần Tài cũng là những loại hình tín ngưỡng của người Hoa hiện nay đã được tiếp thu rộng rãi bởi các dân tộc khác [Phạm Thanh Hằng, 2017]. Đi khắp các vùng dân cư ở ven biển Việt Nam, đặc biệt, các gia đình có kinh doanh, buôn bán dù lớn hay nhỏ ở các tỉnh phía Nam, ta đều thấy họ có bàn thờ đặt ngoài trời cho Ngọc Hoàng và bàn thờ cho Thần Tài đặt ở dưới mặt đất, gần cửa chính ra vào. Người ta tin khá giống nhau rằng thờ cúng vị thần này mỗi ngày mang lại may mắn trong làm ăn kinh tế, sự an toàn trong đi lại, và nhiều sự thuận lợi khác cho các hoạt động sống. Một trường hợp thú vị khác là tín ngưỡng Quan Âm Nam Hải của người Hoa. Vị Quan Âm Bồ tát được Hoa hóa và nữ tính hóa này được thờ cúng phổ biến nơi các cộng đồng dân cư ven biển. Người vùng ven biển ở phía Nam hiện nay còn gọi là “Mẹ Nam Hải”, thờ cúng nhân vật này như một vị nữ thần theo kiểu tín ngưỡng dân gian, chứ không mấy ai truy nguyên nguồn gốc Phật giáo. Trường hợp thêm nữa là thờ Ông Bồn trong cộng đồng người Hoa.

Theo một nghiên cứu thì đã có sự chuyển hóa, thay đổi trong cách người Hoa quan niệm về đối tượng thờ cúng này trong bối cảnh Nam Bộ (đặc biệt ở Trà Vinh, Sóc Trăng), lúc thì coi đây là nhiên thần (thần thổ địa, thần tài) lúc lại coi là nhân thần (Châu Đat Quan, Trịnh Hòa...) [Đặng Hoàng Lan, 2014].

Một số ví dụ nêu trên được đưa ra, để minh chứng cho việc hiện trạng tín ngưỡng dân gian hiện nay, ở các cộng đồng dân cư ven biển có nguồn gốc từ các kết quả của giao thoa và tiếp biến văn hóa khi các dân tộc cộng cư. Trong khi các cơ sở thờ cúng có sự thay đổi về kiến trúc và kích cỡ, các vị thần được phối ghép, thay đổi về chức năng và cả tên gọi.

1.5. Nguồn gốc từ sự tham gia, định hướng bởi nhân tố nhà nước

Dù tín ngưỡng dân gian về bản chất là câu chuyện về niềm tin và thực hành của người dân, nhân tố nhà nước trong một số trường hợp đã thể hiện sự can dự, điều chỉnh, hay định hướng. Trong quá khứ, các nhà nước phong kiến ban ra các quy định (điển chế) về việc thờ cúng trong dân gian, cấm đoán các hình thức được xác định là mê tín dị đoan, soạn thần tích, phân loại và ban sắc phong cho các vị thần linh ở các địa phương, v.v... là những hành vi có tính điều chỉnh mạnh và rộng khắp các cộng đồng dân cư trong cả nước. Hành vi ấy có thể hợp thức hóa và nâng cấp một số hình thức thờ cúng và cũng có thể xóa bỏ một số hình thức khác. Trong thời hiện đại, nhà nước cũng có những cách khác để can dự vào tín ngưỡng dân gian.

Việc thờ cúng cá Voi dù có thể đã xuất hiện trước đây trong dân gian, nhưng thực sự được nâng cấp mạnh mẽ từ khi triều đình nhà Nguyễn xem cá Voi là thần, ban cho sắc phong với nhiều mỹ tự chẳng hạn như “Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân Chi Tôn Thần”, “Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Đại Vương”...[dẫn theo: Vũ Hồng Thuật, 2001: 107] và yêu cầu các địa phương ven biển tổ chức chôn cất, lập lăng miếu thờ khi thấy xác cá Voi dạt vào bờ. Thiết chế quan phương này, được duy trì như một tập tục ở các địa phương, trở thành văn hóa dân gian và tín ngưỡng phổ biến, kéo dài đến tận ngày nay ngay cả khi triều Nguyễn đã chấm dứt sự tồn tại hơn 80 năm qua.

Tín ngưỡng dân gian của cư dân ven biển không chỉ mang các nguồn gốc xa xưa. Có những nguồn gốc hiện đại của loại hình này, là kết quả của chủ trương và chính sách nhà nước nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng đời sống văn hóa mới. Do đó, dù Nhà nước chỉ chủ trương tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh theo mô típ thể tục, nghĩa là tưởng nhớ như một người cộng sản, một nhà cách mạng hay một vị lãnh tụ, Nhà nước vẫn cho phép duy trì việc thờ cúng Chủ tịch Hồ Chí Minh theo tính cách tôn giáo. Ở Cà Mau, từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời năm 1969, nhiều đền thờ Bác Hồ được người dân dựng lên, đặc biệt ở các huyện Ngọc Hiển, Cái Nước. Đến nay, ở Cà Mau thống kê được gần 20 đền thờ lớn nhỏ, trong đó ba đền thờ đã được hồ sơ hóa, công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh. Việc công nhận các đền thờ ấy cũng hàm ý sự hợp thức hóa thờ cúng Bác Hồ theo mô típ tín ngưỡng dân gian, bởi nó đi cùng với nghi lễ đã ổn định, việc dùng đồ cúng, những lời cầu khẩn, v.v... Ngay trong thành phố, chính quyền tỉnh cũng đã đầu tư, xây dựng cả một khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà tâm điểm là không gian có tượng toàn thân, với lư hương, bàn thờ... mở cửa phục vụ người dân đến làm lễ hàng ngày. Ở Hải Phòng, khu di tích Bạch Đằng Giang trong đó có các đền thờ vua Lê Đại Hành, đền thờ Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, đền thờ vua Ngô Quyền, và đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh là một di tích được thành phố cho phép đầu tư xây mới từ năm 2008 và đến năm 2016 thì hoàn thành. Khu di tích là một sự thúc đẩy niềm tin và hoạt động thờ cúng của nhân dân đối với các nhân vật kiệt xuất có công lao lớn với đất nước như thế.

Nhân tố nhà nước còn thể hiện vai trò nâng cấp sự thờ cúng trong tín ngưỡng dân gian theo hướng tích hợp vào các chương trình mang tính chính trị, văn hóa, có tính quốc gia. Điều này có thể thấy, ở việc hình thành các khu thờ cúng Vua Hùng ở nhiều địa phương trên khắp cả nước, trong đó có các tỉnh ở vùng ven biển. Ở xã Tân Phú, huyện Thới Bình, Cà Mau, đền thờ Vua Hùng như được thấy ngày hôm nay trong tình trạng hoàn thiện, đẹp đẽ, sang trọng là kết quả của sự nâng cấp từ “Miếu Ông Vua” được cho là làm từ cây lá đơn sơ cách đây 150 năm. Ngay cả khái niệm ông vua cũng không được cộng đồng dân cư địa phương giải thích rõ là ông vua nào, chỉ biết là lễ giỗ

được thực hiện vào ngày 10/3 âm lịch, trùng với ngày giỗ tổ Hùng Vương ở Phú Thọ. Năm 2006, ngôi miếu được nâng cấp lần đầu tiên bằng bê tông và cốt thép, trong đó đặt tượng toàn thân của Vua Hùng. Năm 2020, chính quyền huyện đầu tư dự án tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp đền thờ Vua Hùng một lần nữa. Dự án này hoàn thành năm 2021, với tổng chi phí khoảng hơn 30 tỉ đồng. Ở Quảng Ninh, năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh ra quyết định cho phép phục hồi và giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Móng Cái làm chủ đầu tư giai đoạn 1 đối với đền Xã tắc là nơi thờ thần Xã tắc có nguồn gốc từ thế kỷ XIII.

Một phương diện nữa thể hiện vai trò của chính quyền là việc tham gia vào xây dựng kịch bản cho các lễ hội tín ngưỡng gắn với các cơ sở thờ cúng của dân gian. Sân khấu hóa lễ hội, kịch bản hóa lễ hội... là những mô thức được các nhà nghiên cứu về văn hóa dân gian chỉ ra gần đây. Sự công thức hóa và ổn định hóa việc tổ chức lễ hội sẽ tạo ra một lễ lối mới, quy trình mới của nghi lễ. Nói cách khác, cũng góp phần không nhỏ vào định hình tín ngưỡng dân gian.

Nói chung, những nguồn gốc hình thành mà chúng tôi nêu ở đây, có thể nhìn theo cách khác như những mảng màu đa dạng, nhưng cùng góp vào sự kiến tạo một bức phong nền chung mà trên đó tín ngưỡng dân gian của cư dân ven biển vận hành với sự sinh động, sức sống mạnh mẽ và sự phong phú. Nền tảng ấy, ghi nhận vai trò chủ đạo của người dân, nhưng như chúng tôi đã chỉ ra cũng không thể không nhắc đến nhân tố nhà nước với vai trò hỗ trợ, điều chỉnh và trong một số trường hợp là can thiệp và định hướng. Do đó, những gì ta thấy trong bức tranh tổng thể và hiện trạng của tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển hiện nay, là kết quả của sự trao đổi, thương thuyết thường xuyên và liên tục giữa hai nhân tố có vai trò chủ đạo này.

2. Cấu trúc của tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển

Tín ngưỡng dân gian, như trình bày ở trên, là khái niệm chỉ một tập hợp các loại hình niềm tin và thực hành thờ cúng các vị thần linh vốn phổ biến trong dân gian. Áp dụng cái nhìn cấu trúc vào tín ngưỡng dân gian của cư dân ven biển, có thể thấy nó bao gồm nhiều thành tố vừa độc lập vừa có liên hệ với nhau. Theo cách tiếp cận Tôn giáo học, tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển được cấu trúc bởi bốn thành phần

cơ bản, gồm: đối tượng thờ cúng; chủ thể thờ cúng; địa điểm/cơ sở thờ cúng; và nghi lễ/lễ hội. Trong cấu trúc bốn thành phần này, mỗi thành phần đều có vị trí, vai trò riêng, có liên hệ chặt chẽ và không thể thay thế nhau.

(1) Đối tượng thờ cúng

Đây là những nhân vật được tin là có quyền năng siêu nhiên và có sự linh ứng khi được thờ cúng. Những nhân vật này có thể là có nguồn gốc con người (tổ tiên, anh hùng dân tộc, người có công với cộng đồng, người không may mà tử nạn...) hoặc nguồn gốc tự nhiên (các hiện tượng tự nhiên, các động vật lớn ở biển, các vị thủy thần, v.v...), có thể được hình ảnh hóa thành các tượng/biểu tượng hoặc chỉ có bài vị ghi tên hiệu.

(2) Chủ thể thờ cúng

Chủ thể thờ cúng có hai phân nhóm. Phân nhóm thứ nhất là những người thuộc giới tính nam hoặc giới tính nữ (thậm chí không xác định rõ giới tính) có sự đào tạo/tự đào tạo nhất định, biết các bài cúng, quyết định việc chuẩn bị đồ lễ, thời gian và không gian làm lễ, và làm chủ các nghi lễ cụ thể. Họ coi công việc của mình là một loại nghề, thậm chí, họ được thần linh chọn và bắt buộc phải làm nghề ấy. Khi làm nghề, họ được thần linh trả lộc, dưới dạng có sức khỏe tốt hơn, gia đình an lành, làm ăn kinh tế thuận lợi. Họ được phép lấy tiền công cho việc thực hiện các nghi lễ, dù không có tiêu chí cụ thể nào xác định các mức chi phí. Trong dân gian, tùy theo loại hình tín ngưỡng mà họ có thể được gọi là thầy cúng, ông đồng, bà đồng, chủ đền, chủ lễ/chánh tế... Nhóm này thường tự nhìn mình là các nhân vật trung gian, đứng giữa các thần linh và người có nhu cầu thực hiện nghi lễ.

Phân nhóm thứ hai là những người có niềm tin và thực hành việc thờ cúng ở mức độ cá nhân hoặc cùng nhau tạo thành một cộng đồng thờ cúng. Ở mức độ cá nhân, họ chủ yếu tự sắp lễ, khấn cầu thần linh theo cách nghĩ, ngôn ngữ và mong muốn của mình. Họ cũng là người đưa ra yêu cầu thực hiện nghi lễ với phân nhóm thứ nhất, và trả chi phí cho nghi lễ đó. Phân nhóm này đông đảo hơn, gồm những người cư trú thường xuyên ven biển và cả khách vãng lai.

Ở cấp độ tập thể, cộng đồng thờ cúng là tập hợp những người chung niềm tin và cùng thờ cúng một hoặc một số đối tượng cụ thể. Cộng đồng này sẽ tạo ra những nguyên tắc nhất định để đảm bảo sự nhất quán trong hành động và trách nhiệm với cộng đồng từ phía các thành viên. Với cư dân ven biển, họ thường sống theo làng, và đình làng là tâm điểm của hoạt động thờ cúng của cộng đồng. Đối tượng thờ cúng, nghi lễ và lễ hội phần nào phản ánh bản sắc tôn giáo và văn hóa của cộng đồng này.

Ngoài ra, nhân tố nhà nước cũng hiện diện nhiều hơn trong các nghi lễ quan trọng của tín ngưỡng dân gian. Xuất hiện với tư cách đại diện chính quyền, nhân tố này có thể tham gia làm chủ lễ, dâng hương, dự khán các nghi lễ...

(3) Nghi lễ/lễ hội

Là một tập hợp các hành động theo quy trình, thứ tự được thực hiện nhằm tác động đến đối tượng được tin là thiêng, có quyền năng siêu nhiên. Để nghi lễ diễn phải có sự chuẩn bị theo nghĩa là sự xác định về thời gian, địa điểm, đồ lễ, người làm chủ lễ... Các nghi lễ có thể diễn ra dưới dạng đơn giản, do một cá nhân thực hiện cho chính mình. Nghi lễ có thể diễn ra phức tạp, với quy trình gồm nhiều bước, do một tập thể tổ chức thực hiện và đáp ứng những yêu cầu của cả tập thể đó [Nguyễn Ngọc Thơ, 2021]. Các nghi lễ tiêu biểu trong tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển là nghi lễ cầu an trên biển, lễ nghinh xuân, lễ nghinh Ông, giỗ thần thành hoàng làng, vía bà Thiên Hậu, vía bà Thủy Long, vía “Mẹ Quan Âm Nam Hải”, v.v... Trong sinh hoạt của cộng đồng thờ cúng, thường còn có việc tổ chức lễ hội. Về bản chất, lễ hội cũng là một cách nhằm mua vui, lấy lòng các vị thần linh từ đó nhận lại sự ban phúc. Lễ hội gồm phần nghi lễ ban đầu do một số ít người được chọn để thực hiện nhằm mời thần linh về chứng giám và hưởng thụ đồ dâng cúng, và phần hội chủ yếu là trò chơi, diễn xướng sau đó cho phép sự tham gia của tất cả mọi người.

(4) Địa điểm/cơ sở thờ cúng

Hoạt động thờ cúng cần có địa điểm hay không gian. Nơi như thế có thể là tại nhà riêng, ở nơi không gian mở, hoặc trong các cơ sở thờ cúng của cộng đồng. Với tín ngưỡng dân gian, các địa điểm/cơ sở thờ cúng là

đình, đền, miếu, miếu⁴, lăng⁵, mộ⁶, và một số khái niệm hiếm khác như “vạn” (Bình Thuận), “lâm” (Phú Yên). Đặc biệt, trong các ngôi chùa cũng có thể tìm thấy các không gian thiết kế cho thờ các vị thần của tín ngưỡng dân gian. Ngược lại, ở nhiều ngôi miếu hay lăng có thể thấy nơi thờ Quan Âm Nam Hải và Địa Tạng Bồ tát vốn có nguồn gốc Phật giáo.

Thành phần quan trọng nhất trong cấu trúc bốn thành phần này là con người. Chính con người qua nỗ lực giải thích tự nhiên và những trải nghiệm của mình trong cuộc đời mà tạo nên các vị thần linh; diễn tả niềm tin và các mong cầu qua việc tạo ra và hệ thống hóa các nghi lễ, lễ hội; lập ra giao ước về những điều cấm kỵ; kiến lập, tôn tạo các cơ sở thờ cúng và thiêng hóa chúng, v.v...

3. Các đặc điểm của tín ngưỡng cư dân ven biển

Tín ngưỡng cư dân ven biển ở Việt Nam có sự đa dạng lớn, phản ánh văn hóa của cư dân vốn đến từ những nền văn hóa khác nhau.

(1) Thờ cúng đa thần

Phần lớn trong số cư dân ven biển ở Việt Nam là người Kinh, nhưng còn có các dân tộc khác, như người Hoa, người Chăm, người Khmer... Sự đa dạng về dân tộc này là yếu tố đầu tiên dẫn đến việc có nhiều vị thần khác nhau được thờ cúng. Yếu tố thứ hai là sự khác nhau về sinh kế cũng kéo theo việc thờ cúng các đối tượng khác nhau. Có người dựa vào sinh kế gắn với biển thì thờ các vị thần gắn với nước. Yếu tố thứ ba là các dân tộc có sẵn trong mình khả năng hỗn dung. Điều này, có nghĩa là họ cởi mở trong việc chấp nhận và tích hợp thêm vào thần điện sẵn có của mình những đối tượng thờ cúng mới. Các dân tộc nêu trên cũng là các dân tộc mang đậm tâm thức đa thần nên khi di cư đến vùng ven biển và cộng cư, việc tạo ra các cơ sở thờ cúng có thể dung chứa các đối tượng thiêng khác nhau là một điều tất yếu, để đảm bảo họ có thể chung sống, hợp tác và cùng mưu cầu những điều tốt lành.

Khi vào các cơ sở thờ cúng của tín ngưỡng dân gian ven biển, người ta có thể dễ dàng xác định một vị thần chủ, nói cách khác là đối tượng thờ cúng chính ở đó. Nhưng bên cạnh mỗi thần chủ luôn có những vị thần khác được phối thờ. Thực tế, người dân không có thói quen thắc mắc vị thần nào có quyền năng lớn nhất hay bao trùm, có đáng sáng tạo hay đáng cứu thế hay không, vị thần nào thì cầu xin

điều gì... Họ quan niệm “hữu cầu tất ứng” (có cầu khẩn thì có sự ứng nghiệm) và gán nhiều chức năng vào một vị thần trong khi luôn muốn làm lễ tới nhiều vị thần khác nhau trong một chuyến hành hương. Tính đa thần này, phù hợp với sự tồn tại đan xen của các dân tộc xuất thân từ các nền văn hóa khác nhau.

(2) Thể hiện tâm thức hỗn dung văn hóa và tư duy tích hợp

Nhìn vào các cơ sở thờ cúng của cư dân ven biển, điều ta có thể thấy rõ là có sự tập hợp nhiều đối tượng thờ cúng của các truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Việc phối ghép đa thần ấy khả thi, bởi tâm thức hỗn dung về văn hóa, cái rất phổ biến trong cư dân ven biển. Tâm thức này thể hiện sự cởi mở, dễ chấp nhận những yếu tố mới, tích hợp thay vì loại trừ, tiếp thu và biến đổi yếu tố văn hóa ngoại lai. Cho nên đến một cơ sở thờ cúng hay dự một lễ hội, người ta luôn thấy nó được thiết kế sao cho phù hợp và đáp ứng đủ các nhu cầu, mong muốn cũng như văn hóa, tín ngưỡng của số đông. Do đó, tại một di tích là gọi là Lăng Ông Nam Hải ở Đông Hải, Bạc Liêu, người ta vẫn thấy không gian thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tích hợp trong Lăng, cạnh đó là các ngôi miếu thờ thổ địa, thờ chiến sĩ chết trận, thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, thờ Diêu Trì Kim Mẫu, tượng Quan Âm Nam Hải,... Việc tích hợp thờ cúng cũng có thể thấy trong lời khấn tại các nghi thức mang tính tập thể. Ví dụ, trong lời khấn khi mở đầu lễ hội năm 2023 ở Thủy Long Thần Nữ Cung tại xã Thanh Tùng (Đầm Dơi, Cà Mau), bên cạnh Thủy Long Thần Nữ, nhiều tên hiệu của các đấng thiêng khác cũng được xướng lên, như: các vị Phật, Hoàng Thiên Hậu Thổ, Kim Niên Thái Tuế, Tri Đức Tôn Thần, Thành Hoàng Bồn Cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền của làng, v.v...

Tham dự một lễ hội của tín ngưỡng dân gian, người ta dù xuất thân từ dân tộc hay nền văn hóa gốc nào, cũng đều dễ dàng tìm thấy cái phù hợp cho mình. Một ví dụ có thể nêu ra ở đây là lễ hội nghinh Ông ở sông Đốc (huyện Trần Văn Thời, Cà Mau). Tháng 3/2023, khi tham dự, chúng tôi thấy đoàn đi nghinh Ông ngoài biển được tập hợp bởi nhiều nhóm. Ngoài nhóm các vị lão niên phụ trách hành lễ, còn có nhóm các bà, nhóm thiếu nữ, nhóm cung nữ, nhóm học trò lễ, nhóm binh lính, nhóm nhạc truyền thống, nhóm nhạc tây, nhóm múa lân, nhóm đại diện doanh nghiệp...

Trong số này, có những nhóm mới xuất hiện chứ theo truyền thống trước đây không có, như nhóm múa lân (văn hóa Trung Quốc), nhóm thiếu nữ (mặc áo dài trắng), nhóm học trò lễ, nhóm đại diện doanh nghiệp (trang phục hiện đại), nhóm chơi nhạc tây (kèn, trống). Khi hỏi Ban Tổ chức, chúng tôi nhận được câu trả lời khá đơn giản: cho thêm các nhóm vào để đông vui hơn, để đáp ứng nguyện vọng của bà con. Nói cách khác, bất cứ ai đến dự một lễ hội của tín ngưỡng dân gian, đều có thể tìm thấy cái mình thích, cái mình muốn nghe hay nhìn.

(3) Gắn bó và phản ánh lối sống, văn hóa địa phương

Tín ngưỡng dân gian, như đã trình bày có mối liên hệ mật thiết với văn hóa dân gian thể hiện lối sống hòa đồng với thiên nhiên, dựa vào thiên nhiên mà sống, thích hợp với diễn biến của khí hậu, thời tiết; hòa đồng với các dân tộc cùng chung sống, coi trọng cái khảng khái, chân thật trong giao tiếp; hỗ trợ nhau khi gặp hoạn nạn; đề cao cái cộng đồng hơn là cái cá nhân; thể hiện sự tri nhận và biết ơn bất cứ đối tượng nào khi nhận lấy sự may mắn, thuận lợi, và bảo hộ trong việc mưu sinh... Trong hầu hết các hoạt động giao tiếp, người ta không quá coi trọng vấn đề thứ bậc, khoảng cách giàu nghèo, sang-hèn, những cảm đoán; thường không phân biệt đối xử, đặc biệt là hầu như không có sự kỳ thị với người lạ ngoài cộng đồng. Cư dân vùng ven biển dễ tin nhau, chấp nhận nhau hơn, dễ phối hợp với nhau hơn, và cũng dễ tìm thấy điểm chung hơn.

Ở các khu vực ven biển, đặc biệt ở Đông Nam Bộ, người dân đã và vẫn còn phong cách xây cất nhà ở đơn sơ, đề cao tính tiện lợi khi ra vào, mở ra các hướng, phù hợp với việc sử dụng các phương tiện của sông nước (ghe, thuyền) và dễ giao tiếp với hàng xóm. Trong quá khứ, khi khai phá những vùng đất mới, xa sự quản trị của triều đình, việc tìm thêm những phương cách để định vị, để đánh dấu chủ quyền, để có sự an tâm về mặt tinh thần là rất quan trọng. Rất nhiều thứ có thể đe dọa tính mạng hoặc sự yên ổn trong quá trình tìm kiếm nơi định cư, tụ hợp cư dân, và đảm bảo an toàn cho sinh kế của cộng đồng mới thiết lập chẳng hạn như trộm cướp, thú hoang dữ dằn (hổ, rắn, cá sấu), đầm lầy, nơi thiếu nguồn nước ngọt, là sự lạc đường, nổi cô đơn, v.v... Chính việc thiết lập những cơ sở thờ cúng, dù là nhỏ bé, đơn sơ,

tạm thời, là một trong những giải pháp quan trọng giúp người dân có thêm sự vững tin, vượt qua những lo sợ, để chinh phục vùng đất mới, gây dựng cơ nghiệp. Nghi lễ, đặc biệt là nghi lễ tập thể, là một cách cố kết, gắn bó các thành viên trong cộng đồng, tạo ra sự cộng hưởng về cảm xúc, tạo ra cảm giác được bảo vệ bởi các lực lượng siêu nhiên, nhờ đó mà kiên trì vượt qua những khó khăn, thử thách. Ngày nay, các nghi lễ và cơ sở thờ cúng vẫn là tâm điểm của đời sống tinh thần của cộng đồng. Vừa thỏa mãn nhu cầu tìm kiếm sự an định về tinh thần chung cho mọi gia đình, vừa đáp ứng nhu cầu giải trí, thư giãn ở mức độ tập thể. Các nghi lễ, lễ hội, do đó thường được tổ chức với sự phục vụ hướng tới số đông, rộn ràng về âm thanh và rực rỡ về sắc màu.

(4) Đề cao sự đơn giản, linh hoạt, thực dụng

Tín ngưỡng dân gian của cư dân ven biển đa dạng, phong phú nhưng lại không phức tạp. Cho đến ngày hôm nay, toàn bộ việc thờ cúng, xây dựng, trang trí không gian thiêng, thực hành nghi lễ và tổ chức nghi lễ của tín ngưỡng cư dân ven biển vẫn tương đối đơn giản, không cầu kỳ. Các nơi thờ cúng thần thành hoàng chỉ đặt ngai và bài vị. Những nơi này thường mở cửa xuyên ngày đêm, không xây bậc cao, không làm tường lớn, không đặt những vật dụng giá trị cao. Bất cứ ai và lúc nào cũng có thể vào những cơ sở này để làm lễ, thắp hương, cầu khẩn trước khi bắt đầu công việc của mình. Hầu hết, các cơ sở thờ cúng của ngư dân đặt ngay mép biển để thuận tiện cho việc họ đi từ làng trong đất liền qua đó làm lễ rồi lên thuyền ra khơi.

(5) Chủ yếu dựa vào ký ức tập thể, thói quen thực hành, tri thức truyền miệng

Một đặc điểm nổi trội của tín ngưỡng dân gian nói chung, trong đó có tín ngưỡng dân gian của cư dân ven biển là sự thiếu vắng ý thức văn bản hóa, đặc biệt là giai đoạn trước đây. Nói cách khác, những tri thức về lai lịch, công trạng, quyền năng của các thần linh được thờ cúng; tri thức về quy cách thờ cúng và nghi lễ, lịch sử tôn tạo, biến đổi; tri thức về sự ghi nhận, tài trợ, hợp pháp hóa... từ phía chính quyền qua các thời kỳ lịch sử, v.v... hiếm khi được văn bản hóa. Các tri thức này chủ yếu đã và vẫn thường được lưu giữ và trao truyền qua các thế hệ qua *con đường truyền miệng*; dựa vào ký ức

của cá nhân và tập thể thay vì các ghi chép, văn bản chữ viết. Trong thực tiễn, khi được hỏi, người thực hành thường chỉ giải thích niềm tin và thực hành của họ là “xưa bày, nay làm”, “theo các cụ kể lại”, “ông bà làm thế”, “truyền thống”... Do đó, các tri thức đó thường nằm trong tình trạng thiếu đầy đủ, thiếu chính xác, dễ sai lệch, khó tra cứu, đối chiếu... Rất khó có thể lần tìm về nguồn gốc, nguyên bản, cũng khó xác định các dấu mốc quan trọng mà từ đó tín ngưỡng và thực hành thờ cúng đã có thay đổi lớn.

Tuy nhiên, tùy theo cách nhìn để có thể coi đặc điểm này là điểm hạn chế hay không. Lý do là tính phi văn bản hóa, dựa vào ký ức, dựa vào thói quen, tập quán... tạo ra và duy trì tính mờ ảo, huyền bí, co giãn linh hoạt... Chính nó lại góp phần không nhỏ vào sức sống và sự hấp dẫn của tín ngưỡng dân gian.

(6) Triết lý thờ cúng cặp đôi

Trong tín ngưỡng dân gian ven biển, việc thờ cúng còn có xu hướng duy trì triết lý cặp đôi, mà trên một số phương diện có nguồn gốc từ triết lý âm-dương cổ đại. Đã thờ thần mang giới tính nam, thì cũng sẽ thờ thần mang giới tính nữ, dù điều này không phổ biến khắp mọi nơi. Theo tín ngưỡng cổ truyền của người Việt, đã thờ Cha thì cũng phải thờ Mẹ. Do đó, cặp đôi Lạc Long Quân và Âu Cơ, có thể không được phối thờ tại cùng một cơ sở, thì cũng sẽ xuất hiện ở hai cơ sở không xa nhau. Một cặp “Cha-Mẹ” khác là Trần Hưng Đạo và Liễu Hạnh (khu vực Trung Bộ trở ra Bắc Bộ). Với cư dân Trung Bộ trở vào Nam Bộ, lăng Ông thờ cá Voi đa phần được người dân ngầm hiểu là thờ một vị thần mạnh mẽ, nam tính. Do đó, họ có xu hướng gọi cá Voi là Ông/Cha. Ở Bình Thuận, có nơi thờ đủ cặp cá Voi đực và cá Voi cái, gọi là Ông và Bà. Trong khi đó, một số đối tượng thờ cúng khác sẽ được xem là Bà/Mẹ, chẳng hạn như “Bà Thiên Hậu”, “Bà Thủy Long”, “Mẹ Nam Hải”, “Bà Cậu”⁷... Trong hệ thống cơ sở thờ cúng của người Hoa, dù là đền thờ, nhưng thường đã có “chùa ông” thì sẽ có “chùa bà”. Tóm lại, triết lý thờ cúng này có thể bao hàm cả triết lý thờ cúng tổ tiên, thờ cha với nghĩa là người bảo vệ, thờ mẹ với nghĩa là người nuôi dưỡng và chăm sóc. Con người chỉ có thể lớn mạnh, trưởng thành khi có đủ sự bảo vệ và chăm sóc của Cha và Mẹ.

(7) Là một trong các không gian dành cho diễn xướng văn hóa dân gian

Nhiều loại hình diễn xướng dân gian thực sự gắn với và tìm thấy khán giả ở các không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng, cụ thể hơn chính là các không gian thực hành tín ngưỡng dân gian mà yếu là đình, lăng, miếu. Nhiều loại hình diễn xướng dân gian giờ đây thậm chí chủ yếu chỉ còn tìm thấy ở các không gian này, như: *hò chèo cạn*, *múa bông* (Cảnh Dương, Quảng Bình); *múa bóng và hát rối* (các tỉnh ở Nam Bộ); *hát bả trạo* (Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế); *hát nhà tơ*, *hát múa cửa đình* (Vạn Ninh, Vân Đồn, Quảng Ninh).

Kết luận

Bài viết đã phân tích những phương diện cơ bản của tín ngưỡng dân gian của cư dân ven biển ở Việt Nam hiện nay, bao gồm nguồn gốc, cấu trúc và đặc điểm. Như chúng tôi đã chỉ ra, tín ngưỡng này có nguồn gốc đa dạng, không chỉ hình thành trong truyền thống xa xưa, mà vẫn tiếp tục xuất hiện các loại hình có nguồn gốc gần đây. Dù có thể chỉ ra một cấu trúc phổ biến khi phân tích các loại hình tín ngưỡng này, không có cấu trúc nào có thể bao chứa hết các loại hình vốn rất đa dạng và luôn trong tình trạng biến đổi này. Việc khái quát các đặc điểm thực chất chỉ là nỗ lực chỉ ra những điểm phổ biến nhất. Trong thực tiễn, các loại hình tín ngưỡng dân gian ở ven biển vừa đan xen, phụ thuộc nhau, lại có tính độc lập nhất định và lại mang đậm tính vùng miền.

Tuy thế, những gì bài viết mang lại hi vọng là cơ sở giúp làm sáng tỏ thêm các phương diện không kém phần quan trọng khác như các vai trò, chức năng, giá trị, và những xu hướng biến đổi của các loại hình tín ngưỡng dân gian cư dân ven biển ở Việt Nam trong bối cảnh đương đại./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Tất nhiên, các miếu này không chỉ thờ linh hồn của riêng người chết trên biển. Những người chết theo cách bất thành linh, không được an táng đầy đủ khác ở trên đất liền cũng được thờ. Đó có thể là người chết đói, chiến sĩ tử trận, người gặp tai nạn trên đường đi...
- 2 Tư liệu điền dã khi triển khai đề tài tại Đà Nẵng, tháng 11/2022. Theo ngư dân, gọi là Ông He vì cần gọi chệch đi đảm bảo sự tôn kính thay vì

dung từ “heo” gợi sự liên tưởng đến con lợn. Một cách giải thích khác là khi cá Heo nổi lên mặt nước đùa vui với người đi biển, thường phát ra tiếng kêu “he, he”.

- 3 Theo Trần Thị An, ở đền Mẫu (Cửa Lân, Tiền Hải, Thái Bình) có tích hợp nơi thờ cá Voi do từng có xác cá Voi dạt vào đây. Tác giả cũng dẫn nghiên cứu của Trần Nhuận Minh với giả thuyết rằng cá Voi được thờ ở Cẩm Phả, Quảng Ninh trong mối liên hệ với sự xuất hiện địa danh Cửa Ông. Đọc thêm: Trần Thị An (2016), “Truyền thuyết dân gian với việc kết nối các dạng thức không gian biển Việt Nam”, *Nghiên cứu Văn học*, số 6, tr. 89.
- 4 Trong một số trường hợp, cư dân ven biển Nam Bộ có sự phân biệt giữa miếu và miễu, theo nghĩa là miếu thì kích cỡ nhỏ hơn, bài trí đơn sơ hơn là miễu. Tuy nhiên, tên gọi và sự phân biệt này chỉ là rất tương đối.
- 5 Gần như khái niệm “lăng” được cư dân ven biển dành riêng cho nơi giữ xương cốt và thờ cúng cá Voi.
- 6 Thường là nơi chôn cất các vị tiền hiền, hậu hiền, những người có công với cộng đồng. Ở Nam Bộ, các ngôi mộ của các nhân vật này trong nhiều trường hợp được tích hợp luôn với cơ sở thờ cúng của cộng đồng.
- 7 Không luôn có cách giải thích nhất quán về khái niệm “Bà Cậu” ở các địa phương khác nhau từ Nam Trung Bộ vào đến Nam Bộ. Ở một số địa phương như Bạc Liêu, Cà Mau, chúng tôi được nghe người dân giải thích Bà ở đây là bà Thủy Long, còn cậu là hai nhân vật có tên Cậu Tài, Cậu Quý, được cho là phù hộ cho người dân có sinh kế gắn với nước, đặc biệt là trên biển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (2016), “Truyền thuyết dân gian với việc kết nối các dạng thức không gian biển Việt Nam”, *Nghiên cứu Văn học*, số 6.
2. Đặng Thế Đại (2017), “Mấy nét đặc sắc của tín ngưỡng dân gian Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10.
3. Đinh Văn Hạnh (2017), “Sự phát triển hệ thống tín ngưỡng của người Việt trong quá trình di cư về phương Nam nhìn từ tục thờ cúng cá Ông”, trong: Vũ Quang Dũng (chủ biên), *Văn hóa biển đảo Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa dân gian*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Phạm Thanh Hằng (2017), “Một số hình thức thờ cúng tiêu biểu của người Hoa ở Việt Nam hiện nay”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 11.
5. Nguyễn Thị Hậu (2019), “Nguyễn Hoàng và bước đầu tiến vào vùng Nam Trung Bộ”, website Bảo tàng lịch sử quốc gia, truy cập tại: Nguyễn Hoàng và bước đầu tiến vào vùng Nam Trung Bộ (baotanglichsu.vn)
6. Đặng Hoàng Lan (2014), “Quá trình chuyển hóa thờ cúng ông Bồn của người Hoa ở Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12.
7. Nguyễn Thanh Lợi (2006), “Tục thờ cá Ông ở ven biển Nam Trung Bộ”, *Văn hóa dân gian*, số 4.
8. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ngô Đức Thịnh (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Ngô Đức Thịnh (2014), “Lý thuyết “trung tâm và ngoại vi” trong nghiên cứu không gian văn hóa”, *Thông tin Khoa học xã hội*, số 3.
11. Nguyễn Ngọc Thơ (2021), *Nghi lễ và biểu tượng trong nghi lễ*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Vũ Hồng Thuật (2001), “Phong tục và tín ngưỡng thờ cá Ông của người Việt ở đảo Cù Lao Chàm, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam”, *Dân tộc học*, số 4.
13. Trần Quốc Vượng (chủ biên, 2006), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
14. William James (1902), *The Varieties of Religious Experiences: A Study in Human nature*, Harvard University Press.
15. Alfred Kroeber (1940), “Stimulus Diffusion”, *American Anthropologist*, Vol. 42, No.1.

Abstract

ORIGIN, STRUCTURE, AND CHARACTERISTICS OF FOLK RELIGIONS OF COASTAL RESIDENTS IN VIETNAM TODAY

Hoang Van Chung, Tran Anh Chau
Institute for Religious Studies, VASS

In recent decades, folk religions of residents in coastal regions of Vietnam have had a strong revival in many aspects such as expressing faith, performing rituals, organizing festivals, rebuilding worship facilities, etc. Simultaneously, the change in the living context, the process of cultural exchange, and the integration of lifestyles among ethnic groups are creating significant changes in this type of belief. Based on an interdisciplinary approach such as Religious Studies, Cultural Studies, and the Psychology of Religion, the article analyzes collected data from the fieldwork and secondary documents to clarify three basic aspects of the coastal residents' folk religions such as origin, structure, and characteristics.

Keywords: Belief; coastal region; structure; characteristic; origin; Vietnam.